

PHỤ LỤC
KINH PHÍ PHỤ CẤP THU HÚT THEO NGHỊ ĐỊNH 76/2019/NĐ-CP NGÀY 08/10/2019 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Công văn số 1011 /UBND-KT ngày 21/11/2025 của UBND xã Ba Đình)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chi tiêu	Tổng phụ cấp được hưởng	Phụ cấp được hưởng	Phụ cấp công tác lâu năm			Phụ cấp thu hút			Mức lương cơ sở	Số tháng (06 tháng)	Tổng nhu cầu kinh phí	Ghi chú
				Hệ số phụ cấp được hưởng theo thời gian thực tế làm việc			Phụ cấp được hưởng	Hệ số lương theo ngạch, bậc và phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Mức 70% phụ cấp thu hút được hưởng				
				0,5 (thời gian làm việc từ đủ 5 năm đến dưới 10 năm)	0,7 (thời gian làm việc từ đủ 10 năm đến dưới 15 năm)	1,0 (thời gian làm việc từ đủ 15 năm trở lên)							
1	2	3 = 4+8	4 = 5* 6 hoặc 7 hoặc 8	5	6	7	8=9*10*11	9	10	11	12	13=3*12	14
ĐẢNG ỦY XÃ												246.865.320	
1	Lê Thanh Phương	8.812.440					8.812.440	5,38	0,70	2.340.000	6	52.874.640	
2	Phạm Thị Chiến	6.486.480					6.486.480	3,96	0,70	2.340.000	6	38.918.880	
3	Huỳnh Thị Thuyền	5.995.080					5.995.080	3,66	0,70	2.340.000	5	29.975.400	
4	Phạm Thị Chăm	5.470.920					5.470.920	3,34	0,70	2.340.000	6	32.825.520	
5	Võ Thị Bích Lê	7.567.560					7.567.560	4,62	0,70	2.340.000	3	22.702.680	
6	Phạm Thị Thùy Chi	5.995.080					5.995.080	3,66	0,70	2.340.000	6	35.970.480	
7	Phạm Thị Duy Thức	1.170.000	1.170.000	0,5			-	3,33		2.340.000	6	7.020.000	
8	Phan Đình Thắng	9.778.860	0				9.778.860	5,97	0,70	2.340.000	2	19.557.720	
9	Lương Thị Hồng Thân	1.170.000	1.170.000	0,5						2.340.000	6	7.020.000	
MẶT TRẬN XÃ												48.648.600	
9	Đinh Quang Thọ	8.108.100					8.108.100	4,95	0,70	2.340.000	6	48.648.600	
VĂN PHÒNG HĐND&UBND XÃ												97.279.884	
10	Đinh Quang Trung	1.170.000	1.170.000	0,5			-			2.340.000	6	7.020.000	
11	Đinh Thị Phương Lan	8.892.702					8.892.702	5,43	0,70	2.340.000	2	17.785.404	
12	Nguyễn Thị Bảo Vi	5.454.540					5.454.540	3,33	0,70	2.340.000	6	32.727.240	
13	Võ Thị Ly Na	5.454.540					5.454.540	3,33	0,70	2.340.000	6	32.727.240	
14	Trần Thị Nở	1.170.000	1.170.000	0,5			-		0,70	2.340.000	6	7.020.000	
PHÒNG KINH TẾ XÃ												96.904.080	
15	Phạm Thị Thu Đào	6.322.680					6.322.680	3,86	0,70	2.340.000	6	37.936.080	
16	Nguyễn Thị Nga	5.995.080					5.995.080	3,66	0,70	2.340.000	6	35.970.480	
17	Đinh Trần Thu Lan	3.832.920					3.832.920	2,34	0,70	2.340.000	6	22.997.520	
PHÒNG VĂN HÓA-XÃ HỘI XÃ												37.936.080	
18	Trần Thị Hải Triều	6.322.680					6.322.680	3,86	0,70	2.340.000	6	37.936.080	
TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG XÃ												71.940.960	

19	Trần Thị Kim Tuyến	5.995.080					5.995.080	3,66	0,70	2.340.000	6	35.970.480	
20	Nguyễn Thị Kiều Hoan	5.995.080					5.995.080	3,66	0,70	2.340.000	6	35.970.480	
TRUNG TÂM CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG XÃ												142.604.280	
21	Hồ Thị Thu Hồi	6.535.620					6.535.620	3,99	0,70	2.340.000	6	39.213.720	
22	Phan Thị Kim Kiên	6.535.620					6.535.620	3,99	0,70	2.340.000	6	39.213.720	
23	Nguyễn Thành Duy	6.322.680					6.322.680	3,86	0,70	2.340.000	6	37.936.080	
24	Phạm Văn Ni	4.373.460					4.373.460	2,67	0,70	2.340.000	6	26.240.760	
TỔNG CỘNG NHU CẦU												742.179.204	